

**DANH SÁCH THI***(Thí sinh dự thi: X)*

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phản Kiến thức cơ sở	Phản Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1	Châu Thân Ái	12/07/1985	X	X	A109
2	Lê Thị Hòa An	06/07/1980	X	X	A109
3	Nguyễn Văn An	19/09/1976	X	X	A109
4	Cao Thị An	01/01/1990	X	X	A109
5	Nguyễn Cảnh An	01/04/1989	X	X	A109
6	Lê Tiến Nguyên An	17/11/1989	X	X	A109
7	Nguyễn Thanh An	06/02/1991	X	X	A109
8	Hồ Thị Thuý Anh	25/10/1987	X	X	A109
9	Lê Đức Anh	08/08/1992	X	X	A109
10	Nguyễn Phương Anh	15/11/2005	X	X	A109
11	Lý Hoàng Anh	16/07/1987	X	X	A109
12	Hoàng Ngọc Anh	06/09/1995	X		A109
13	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	13/08/2003	X	X	A109
14	Phạm Ngọc Anh	10/12/1993	X	X	A109
15	Nguyễn Tuấn Anh	01/10/1991	X		A109
16	Lê Thị Kim Anh	15/03/1988	X	X	A109
17	Phạm Ngọc Trâm Anh	19/11/1990	X	X	A109
18	Trần Quang Thoại Anh	20/02/1976	X	X	A109
19	Hoàng Việt Anh	20/07/1995	X	X	A109
20	Nguyễn Thị Anh	18/07/1975	X	X	A109
21	Nguyễn Thị Mỹ Anh	17/03/1989	X	X	A109
22	Phạm Thị Mai Anh	18/07/2000	X	X	A109
23	Nguyễn Tuấn Anh	24/09/1980	X	X	A109
24	Trần Tuấn Anh	04/01/1989	X	X	A109
25	Phạm Thị Vân Anh	04/06/1991	X	X	A110

SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
26	Đỗ Thị Vân	Anh	27/06/1983	X	X	A110
27	Nguyễn Tuấn	Anh	07/10/1995	X	X	A110
28	Bùi Thị Xuân	Anh	20/05/1985	X	X	A110
29	Vũ Hoàng	Anh	16/11/2002	X	X	A110
30	Trần Tuấn	Anh	07/04/1992	X	X	A110
31	Nguyễn Thị Diệu	Ảnh	07/01/1987	X	X	A110
32	Trần Thị Ngọc	Ảnh	30/09/1996	X	X	A110
33	Nguyễn Thị Ngọc	Ảnh	10/06/1995	X	X	A110
34	Nguyễn Thị Kim	Ảnh	25/03/1995	X		A110
35	Đào Thị	Ảnh	17/10/1988	X	X	A110
36	Nguyễn Thiên	Ăn	24/08/1992	X	X	A110
37	Nguyễn Hoàng	Ăn	01/12/1991	X	X	A110
38	Đào Văn	Ăn	07/05/1991	X	X	A110
39	Trần Thị Bé	Ba	06/03/1995	X	X	A110
40	Phạm Văn	Bách	02/02/1991	X	X	A110
41	Trần Tiến	Bảo	15/10/1992	X	X	A110
42	Ngô Quốc	Bảo	26/03/1992	X	X	A110
43	Hồ Văn	Bảo	19/07/1992	X	X	A110
44	Trần Quốc	Bảo	02/02/1980	X	X	A110
45	Nguyễn Quốc	Bảo	19/11/1995	X	X	A110
46	Nguyễn Ngọc	Bảo	15/08/1988	X	X	A110
47	Võ Trần Hoàng	Bảo	15/06/1991	X	X	A110
48	Nguyễn Thị Ngọc	Báu	04/05/1990	X	X	A110
49	Ngô Tấn	Bác	19/10/1986	X	X	A201
50	Trần Vũ	Bằng	09/11/1997	X	X	A201
51	Phan Văn	Bằng	16/02/1988	X	X	A201
52	Lê Thị Ngọc	Bích	10/09/1991	X	X	A201

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
53	Nguyễn Thị Hồng Bích	05/05/1991	X	X	A201
54	Phạm Thị Bích	04/10/1989	X	X	A201
55	Nguyễn Thị Biểu	02/10/1988	X	X	A201
56	Phan Văn Bình	25/03/1985	X	X	A201
57	Lê Quang Bình	27/09/1999	X	X	A201
58	Nguyễn Văn Nhật Bình	19/05/1981	X	X	A201
59	Phạm Nguyên Bình	21/01/1985	X	X	A201
60	Trần Thanh Bình	02/11/1991	X	X	A201
61	Nguyễn Đức Bình	22/12/1989	X	X	A201
62	Trần Thị Bình	23/05/1983	X	X	A201
63	Lê Thị Bông	19/01/1979	X	X	A201
64	Nguyễn Thanh Bửu	14/03/1995	X	X	A201
65	Nguyễn Văn Cảnh	19/03/1965	X	X	A201
66	Nguyễn Tuấn Cảnh	10/02/1994	X	X	A201
67	Nguyễn Vũ Phương Cẩm	06/11/1988	X		A201
68	Đinh Văn Công	10/11/1998	X	X	A201
69	Nguyễn Thị Công	16/10/1993	X	X	A201
70	Đỗ Chí Công	26/12/1991	X	X	A201
71	Nguyễn Văn Công	30/10/1974	X	X	A201
72	Lê Huy Cung	01/01/1995	X	X	A201
73	Trần Quốc Cường	28/10/1996	X	X	A201
74	Hoàng Văn Cường	07/01/1996	X	X	A201
75	Nguyễn Mạnh Cường	28/10/1996	X	X	A201
76	Hoàng Văn Cường	23/04/1990	X	X	A201
77	Nguyễn Châu Cường	08/03/1995	X	X	A201
78	Ngô Đức Cường	21/01/1992	X	X	A201
79	Nguyễn Hồng Cường	29/01/1990	X	X	A201

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
80	Huỳnh Quốc Cường	21/10/1995	X	X	A201
81	Vân Đại Cường	03/02/1985	X	X	A201
82	Lê Văn Chánh	01/06/1998	X	X	A201
83	Ngô Quốc Chánh	02/09/1993	X	X	A201
84	Bùi Văn Chấn	26/11/1982	X	X	A201
85	Trần Thị Ngọc Châu	21/06/1984	X	X	A201
86	Nguyễn Ngọc Châu	04/01/1991	X	X	A201
87	Trần Thị Ngọc Châu	03/04/1987	X	X	A201
88	Lưu Thị Ngọc Châu	19/11/1993	X	X	A201
89	Lê Phan Quỳnh Châu	03/04/1986	X	X	A201
90	Nguyễn Thị Kim Châu	29/05/1990	X	X	A201
91	Lương Thị Châu	22/01/1993	X	X	A201
92	Võ Thị Kim Chi	19/08/1980	X	X	A201
93	Võ Thị Phương Chi	20/10/1977	X		A201
94	Nguyễn Thị Kim Chi	12/06/1986	X	X	A201
95	Đỗ Thị Kim Chi	01/01/1986	X	X	A202
96	Nguyễn Quốc Chí	10/02/1998	X	X	A202
97	Bùi Kim Chung	18/10/1993	X	X	A202
98	Đoàn Tấn Chung	01/05/1988	X	X	A202
99	Tô Xuân Chung	10/11/1980	X	X	A202
100	Lê Thị Chuyên	23/02/1993	X	X	A202
101	Liều Nhất Chương	22/04/1986	X	X	A202
102	Nguyễn Chí Danh	02/12/1988	X		A202
103	Nguyễn Công Danh	02/03/1988	X	X	A202
104	Trần Cẩm Danh	15/08/1985	X	X	A202
105	Trịnh Trường Danh	14/05/1990	X	X	A202
106	Võ Đăng Danh	15/01/2000	X	X	A202

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
107	Trần Thị Thuý Diễm	24/12/1991	X	X	A202
108	Ngô Thị Hồng Diễm	01/05/1988	X	X	A202
109	Nguyễn Thị Thuý Diễm	30/08/1994	X	X	A202
110	Phạm Thị Thu Diễm	09/02/1987	X	X	A202
111	Nguyễn Thị Kim Diệp	27/07/1963	X	X	A202
112	Nguyễn Ngọc Diệu	07/05/2003	X	X	A202
113	Nguyễn Thị Diệu	10/12/1984	X	X	A202
114	Đặng Hoàng Diệu	03/02/1992	X	X	A202
115	Nhữ Văn Dinh	23/02/1993	X	X	A202
116	Hồ Minh Doãn	21/09/1996	X	X	A202
117	Dương Quốc Doanh	22/12/1988	X	X	A202
118	Đoàn Văn Du	27/01/1983	X	X	A202
119	Hà Văn Duẩn	25/04/1987	X	X	A203
120	Trương Thị Mỹ Dung	02/02/1989	X	X	A203
121	Hồ Thị Dung	24/05/1987	X	X	A203
122	Trần Thị Thùy Dung	12/08/1989	X	X	A203
123	Lê Thị Dung	30/10/1989	X	X	A203
124	Nhữ Thị Dung	14/02/1990	X	X	A203
125	Võ Đình Dũng	13/03/1993	X	X	A203
126	Trần Văn Dũng	14/04/1998	X	X	A203
127	Lê Đức Dũng	15/10/1991	X	X	A203
128	Bùi Đức Dũng	24/08/1995	X	X	A203
129	Hồ Công Dũng	01/09/1984	X	X	A203
130	Nguyễn Huy Dũng	25/06/1987	X	X	A203
131	Bùi Xuân Dũng	02/01/1980	X	X	A203
132	Nguyễn Tiến Dũng	23/11/1987	X	X	A203
133	Nguyễn Thị Dung	19/09/1987	X	X	A203

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
134	Võ Mai Hoàng Duy	27/04/1985	X	X	A203
135	Nguyễn Minh Duy	03/12/1994	X	X	A203
136	Phạm Văn Duy	30/07/1983	X	X	A203
137	Nguyễn Đình Bảo Duy	13/09/1990	X	X	A203
138	Đỗ Văn Duy	27/09/1995	X	X	A203
139	Nguyễn Nhật Duy	25/02/1988	X		A203
140	Nguyễn Đắc Duy	27/03/1991	X	X	A203
141	Huỳnh Hữu Duy	25/04/1988	X	X	A203
142	Nguyễn Thị Duyên	20/11/1978	X	X	A203
143	Lê Thị Duyên	28/02/1993	X	X	A203
144	Nguyễn Lê Phương Duyên	06/06/2001	X	X	A203
145	Trần Kiều Duyên	30/03/2004	X	X	A203
146	Nguyễn Đắc Mỹ Duyên	23/10/2002	X	X	A203
147	Đỗ Thị Duyên	05/10/1981	X	X	A203
148	Ngô Thị Quỳnh Duyên	05/04/1978	X	X	A203
149	Nguyễn Đức Dương	08/08/1991	X	X	A203
150	Lê Cẩm Dương	15/03/1988	X	X	A203
151	Nguyễn Thị Trang Đại	23/12/1993	X	X	A203
152	Lộ Ngọc Đại	05/07/1998	X	X	A203
153	Lê Phước Đại	28/04/1995	X	X	A203
154	Hoàng Xuân Đại	20/03/1988	X	X	A203
155	Đặng Lê Hồng Đàm	18/02/1981	X	X	A203
156	Nguyễn Linh Đan	15/08/1992	X	X	A203
157	Lê Thị Ngọc Đan	10/09/1995	X	X	A203
158	Huỳnh Thị Xuân Đào	17/04/1985	X	X	A203
159	Trần Thị Anh Đào	06/01/1989	X	X	A203
160	Nguyễn Thị Ánh Đào	09/05/1988	X	X	A203

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
161	Phạm Quang Đạo	06/04/1990	X	X	A203
162	Nguyễn Văn Đạt	04/11/1995	X	X	A203
163	Lê Quốc Đạt	20/10/1996	X	X	A203
164	Phạm Đạt	24/09/1999	X	X	A203
165	Vũ Tiến Đạt	20/11/1990	X	X	A203
166	Phạm Bá Đạt	05/08/1996	X	X	A203
167	Lê Quốc Đạt	20/04/1990	X	X	A203
168	Võ Quang Đạt	24/10/1994	X	X	A203
169	Trương Văn Đạt	08/08/1993	X	X	A203
170	Nguyễn Thành Đạt	13/08/1993	X	X	A203
171	Nguyễn Tấn Đạt	12/09/1989	X	X	A203
172	Mai Thành Đạt	04/05/1987	X	X	A203
173	Nguyễn Văn Đạt	06/05/1997	X		A203
174	Võ Văn Đạt	02/01/1984	X		A203
175	Nguyễn Quốc Đạt	29/05/1985	X	X	A203
176	Vũ Bá Đạt	01/08/1976	X	X	A203
177	Trương Đức Thành Đạt	03/01/2001	X	X	A203
178	Nguyễn Phúc Đạt	16/09/1996	X	X	A203
179	Đào Đỗ Thành Đạt	07/11/1985	X		A203
180	Đỗ Thành Đạt	03/10/2000	X	X	A203
181	Phùng Tấn Đăng	06/11/1994	X	X	A203
182	Nguyễn Hải Đăng	15/04/1977	X	X	A203
183	Nguyễn Văn Diệu	01/01/1988	X	X	A203
184	Nguyễn Xuân Đình	15/01/1989	X	X	A203
185	Nguyễn Quốc Định	01/08/1988	X	X	A203
186	Mai Thị Kim Đoan	04/01/1985	X	X	A203
187	Báo Ngọc Đông	18/08/1995	X	X	A203

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
188	Lê Thanh Đông	14/09/1985	X	X	A203
189	Nguyễn Đức Đông	02/02/1975	X	X	A203
190	Lê Xuân Đông	22/01/1987	X	X	A203
191	Lê Thị Đông	10/01/1995	X	X	A203
192	Đặng Ngọc Đức	23/03/1993	X	X	A203
193	Kiều Trung Đức	04/05/1993	X	X	A203
194	Nguyễn Thành Đức	19/05/1985	X	X	A203
195	Lê Việt Giang	10/02/1977	X	X	A203
196	Dương Trường Giang	20/08/1993	X	X	A203
197	Nguyễn Trường Giang	01/06/1993	X	X	A203
198	Nguyễn Thị Thanh Giang	04/10/1991	X	X	A203
199	Nguyễn Văn Giàu	16/07/1987	X	X	A204.1
200	Trần Hoàng Hà	02/11/1991	X	X	A204.1
201	Nguyễn Thị Hà	05/10/1990	X		A204.1
202	Nguyễn Thanh Hà	02/10/1983	X	X	A204.1
203	Phạm Thị Vân Hà	08/06/1984	X	X	A204.1
204	Dương Thị Thanh Hà	20/06/1995	X	X	A204.1
205	Lê Thị Hà	20/02/2003	X	X	A204.1
206	Lê Ngọc Hà	16/12/1993	X	X	A204.1
207	Lâm Minh Hà	04/06/1974	X	X	A204.1
208	Phan Thanh Hà	13/06/2000	X	X	A204.1
209	Phan Nguyễn Thu Hà	15/12/2001	X	X	A204.1
210	Phạm Thị Hà	29/05/1988	X	X	A204.1
211	Đỗ Thị Thu Hà	20/06/1994	X	X	A204.1
212	Nguyễn Thị Ngọc Hà	19/05/1999	X	X	A204.1
213	Đặng Thị Hà	25/05/1990	X	X	A204.1
214	Trần Lê Vũ Hà	12/10/1991	X	X	A204.1

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
215	Đoàn Thị Ngọc Hà	01/07/1992	X	X	A204.1
216	Huỳnh Hoàng Hà	09/12/1988	X	X	A204.1
217	Nguyễn Thị Bích Hà	10/05/1975	X	X	A204.1
218	Nguyễn Duy Hạ	20/01/1985	X	X	A204.1
219	Hồ Văn Biển Hải	09/08/1989	X	X	A204.1
220	Lê Xuân Hải	23/11/1981	X	X	A204.1
221	Phạm Minh Hải	09/08/1988	X	X	A204.1
222	Phạm Duy Hải	20/07/1991	X	X	A204.1
223	Mai Thế Hải	23/10/1993	X	X	A204.1
224	Nguyễn Thị Hằng Hải	26/10/1975	X	X	A204.1
225	Hoàng Thị Hải	28/04/1979	X	X	A204.1
226	Nguyễn Đình Hải	21/01/1975	X	X	A204.1
227	Nguyễn Tấn Hải	26/06/1997	X	X	A204.1
228	Huỳnh Quốc Hải	06/10/1985	X		A204.1
229	Nguyễn Thị Hạng	01/07/1982	X		A204.1
230	Phạm Thị Bích Hạnh	10/12/1988	X	X	A204.1
231	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	31/07/1985	X	X	A204.1
232	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	25/03/1991	X	X	A204.1
233	Chu Thị Mỹ Hạnh	19/04/1986	X	X	A204.1
234	Trần Diệu Hạnh	08/12/1987	X	X	A204.1
235	Bùi Thị Hào	15/12/1983	X	X	A204.1
236	Vũ Duy Hào	30/10/1983	X	X	A204.1
237	Hà Minh Hào	17/10/1993	X	X	A204.1
238	Nguyễn Thị Bích Hào	21/12/1982	X	X	A204.1
239	Phùng Thu Hằng	27/08/1971	X	X	A204.1
240	Đỗ Thị Hằng	18/04/1992	X	X	A204.1
241	Nguyễn Thị Thanh Hằng	22/07/1998	X	X	A204.1

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
242	Nguyễn Thị Thanh Hằng	28/08/1993	X		A204.1
243	Trần Thị Thu Hằng	18/10/2004	X	X	A204.1
244	Trần Thị Mỹ Hằng	02/03/1980	X	X	A204.1
245	Huỳnh Thị Thanh Hằng	14/09/1985	X	X	A204.1
246	Trần Thị Mai Hân	11/04/1977	X	X	A204.1
247	Phạm Thị Thảo Hân	29/09/1990	X	X	A204.1
248	Nguyễn Ngọc Hân	07/04/1987	X	X	A204.1
249	Nguyễn Phạm Hoàng Hân	01/03/1990	X	X	A204.1
250	Nguyễn Trần Trung Hậu	06/05/1997	X	X	A204.1
251	Trần Thanh Hậu	15/10/1984	X	X	A204.1
252	Lê Công Hậu	09/07/1993	X	X	A204.1
253	Phan Thị Quý Hậu	30/01/1993	X	X	A204.1
254	Huỳnh Ngọc Hậu	21/12/1996	X	X	A204.1
255	Trần Thị Thu Hiền	10/01/1979	X	X	A204.1
256	Võ Thị Hiền	10/04/1990	X	X	A204.1
257	Nguyễn Thị Hiền	02/02/1992	X	X	A204.1
258	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/09/1991	X	X	A204.1
259	Lâm Thị Sanh Hiền	10/01/1992	X	X	A204.1
260	Phạm Thị Hiền	14/09/1989	X	X	A204.1
261	Tạ Thị Thu Hiền	15/05/1990	X	X	A204.1
262	Từ Thị Hiền	21/09/1986	X	X	A204.1
263	Cao Văn Hiền	12/03/1992	X	X	A204.1
264	Nguyễn Thị Hiền	22/10/1991	X	X	A204.1
265	Nguyễn Thị Hiền	01/10/1976	X	X	A204.1
266	Nguyễn Thị Hiền	15/06/1987	X	X	A204.1
267	Trương Văn Hiệp	15/08/1991	X	X	A204.1
268	Đỗ Thị Hiệp	20/08/1992	X	X	A204.1

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
269	Võ Song Hiếu	20/06/1978	X	X	A204.1
270	Lý Ngọc Hiếu	08/06/1982	X	X	A204.1
271	Phạm Hiếu	15/04/1991	X	X	A204.1
272	Võ Trung Hiếu	09/04/1988	X	X	A204.1
273	Nguyễn Thanh Hiếu	21/04/1988	X	X	A204.2
274	Nguyễn Trung Hiếu	14/07/1996	X	X	A204.2
275	Nguyễn Khắc Hiếu	31/03/1993	X	X	A204.2
276	Trần Thị Thanh Hiếu	28/01/1987	X	X	A204.2
277	Lê Trung Hiếu	03/05/1988	X	X	A204.2
278	Trần Xuân Hiếu	27/09/1998	X	X	A204.2
279	Dương Thị Thanh Hiếu	28/09/1987	X	X	A204.2
280	Nguyễn Thị Hiếu	05/02/1995	X	X	A204.2
281	Trương Thị Minh Hiếu	14/06/1986	X	X	A204.2
282	Nguyễn Thị Hoa	21/08/1997	X	X	A204.2
283	Phạm Thị Tố Hoa	10/01/1999	X	X	A204.2
284	Đỗ Thị Kim Hoa	06/05/1995	X	X	A204.2
285	Phạm Thị Hoa	16/04/1992	X	X	A204.2
286	Nguyễn Hồng Hoa	10/08/1991	X	X	A204.2
287	Lưu Thị Mỹ Hoa	09/09/1996	X	X	A204.2
288	Nguyễn Thị Hoà	10/06/1985	X	X	A204.2
289	Nguyễn Xuân Hoà	01/07/1970	X		A204.2
290	Trần Văn Hoà	29/04/1990	X	X	A204.2
291	Trần Nguyễn Hiếu Hoà	20/11/1978	X	X	A204.2
292	Nguyễn Thị Hoà	03/04/1992	X		A204.2
293	Đào Xuân Hòa	27/08/1993	X	X	A204.2
294	Bùi Nhật Hòa	11/11/1993	X	X	A204.2
295	Đỗ Văn Hòa	14/05/1994	X	X	A204.2

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
296	Lê Hữu Hòa	04/12/1996	X	X	A204.2
297	Nguyễn Thị Thu Hòa	27/09/1990	X	X	A204.2
298	Nguyễn Đức Hòa	10/12/1997	X	X	A204.2
299	Phan Phước Hòa	08/09/1989	X	X	A204.2
300	Nguyễn Việt Hòa	10/02/1988	X	X	A204.2
301	Trần Thị Hoài	13/04/1987	X	X	A204.2
302	Lê Thị Như Hoài	12/12/1993	X	X	A204.2
303	Nguyễn Thị Ngọc Hoài	01/01/1994	X	X	A204.2
304	Lý Huy Hoàn	23/03/1992	X	X	A204.2
305	Nguyễn Đức Hoàng	16/02/1994	X	X	A204.2
306	Đặng Văn Hoàng	23/03/1993	X	X	A204.2
307	Phan Minh Hoàng	14/09/1997	X	X	A204.2
308	Đoàn Văn Huy Hoàng	06/08/1994	X	X	A204.2
309	Nguyễn Ngọc Hoàng	23/06/1990	X	X	A204.2
310	Nguyễn Quang Hoàng	24/10/1991	X	X	A204.2
311	Nguyễn Nhật Hoàng	01/12/1984	X	X	A204.2
312	Phạm Quốc Hoàng	03/08/1986	X	X	A204.2
313	Nguyễn Huy Hoàng	11/11/1985	X	X	A204.2
314	Nguyễn Thanh Hoàng	20/10/1995	X	X	A204.2
315	Đậu Đình Hoàng	24/07/1995	X	X	A204.2
316	Nguyễn Huy Hoàng	10/02/1990	X	X	A204.2
317	Nguyễn Lê Hoàng	14/12/1991	X	X	A204.2
318	Nguyễn Minh Hoàng	12/11/1988	X	X	A204.2
319	Nguyễn Huy Hoàng	07/11/1990	X	X	A204.2
320	Nguyễn Bá Hoàng	27/06/1991	X		A204.2
321	Nguyễn Đức Hoạt	01/05/1983	X	X	A204.2
322	Nguyễn Hón Học	16/12/1981	X	X	A204.2

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
323	Dương Diệu Hồng	26/10/1994	X	X	A204.2
324	Bùi Thị Ánh Hồng	05/10/1981	X	X	A204.2
325	Trần Khánh Hồng	13/09/1983	X	X	A204.2
326	Nguyễn Thị Thanh Hồng	21/02/1987	X	X	A204.2
327	Hồ Thị Bích Hồng	27/09/1978	X	X	A204.2
328	Đặng Thị Kim Huê	10/05/1989	X	X	A204.2
329	Nguyễn Thị Kim Huê	28/09/1983	X	X	A204.2
330	Trần Thị Yên Huê	05/11/1985	X		A204.2
331	Đặng Thị Huê	10/02/1996	X	X	A204.2
332	Lương Thị Huê	13/11/1990	X	X	A204.2
333	Lê Thị Huê	05/12/1981	X	X	A204.2
334	Phạm Văn Hùng	26/02/1981	X	X	A204.2
335	Nguyễn Phi Hùng	14/01/2000	X	X	A204.2
336	Võ Xuân Hùng	11/08/1991	X	X	A204.2
337	Nghiêm Trần Thanh Hùng	27/01/1980	X	X	A204.2
338	Trần Phi Hùng	08/04/1990	X	X	A204.2
339	Nguyễn Ngọc Hùng	13/04/1992	X	X	A204.2
340	Mai Quốc Hùng	10/09/1990	X	X	A204.2
341	Nguyễn Thế Hùng	19/05/1984	X	X	A204.2
342	Lý Mạnh Hùng	12/10/1985	X	X	A204.2
343	Bùi Phi Hùng	15/08/1992	X	X	A204.2
344	Lê Việt Hùng	12/04/1978	X		A204.2
345	Đặng Bá Hùng	18/09/2003	X	X	A204.2
346	Nguyễn Văn Hùng	10/03/1989	X	X	A204.2
347	Võ Thừa Huy	14/07/1985	X	X	A204.2
348	Võ Anh Huy	06/01/1994	X	X	A204.2
349	Phạm Đăng Huy	04/01/1985	X	X	A205

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
350	Đặng Quốc Huy	26/09/1993	X	X	A205
351	Trương Bảo Huy	09/09/1980	X	X	A205
352	Võ Quang Huy	26/06/1995	X	X	A205
353	Mai Kim Huy	17/02/1994	X		A205
354	Võ Văn Huy	21/03/1994	X	X	A205
355	Nguyễn Trương Ngọc Huy	07/11/2001	X	X	A205
356	Trương Huy	20/01/1999	X	X	A205
357	Trần Quốc Huy	03/05/1995	X	X	A205
358	Nguyễn Hồ Khánh Huy	02/09/1987	X	X	A205
359	Nguyễn Trần Thế Huy	20/09/1990	X	X	A205
360	Nguyễn Quốc Huy	22/07/1996	X	X	A205
361	Lê Huy	25/07/1982	X	X	A205
362	Nguyễn Tiến Hùỵ	11/10/1997	X	X	A205
363	Đỗ Ngọc Huyền	08/11/1991	X	X	A205
364	Nguyễn Trọng Huyền	06/05/1994	X	X	A205
365	Phan Thị Mỹ Huyền	04/01/1993	X	X	A205
366	Vũ Thị Thanh Huyền	11/12/1989	X	X	A205
367	Dương Thị Huyền	14/10/1982	X	X	A205
368	Vũ Thị Huyền	15/10/2000	X	X	A205
369	Nguyễn Thị Huyền	02/03/1989	X	X	A205
370	Bùi Thị Như Huyền	24/11/1988	X	X	A205
371	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	24/08/1995	X	X	A205
372	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	17/01/1992	X	X	A205
373	Lê Phát Hưng	04/12/1990	X	X	A205
374	Mai Ngọc Hưng	19/09/1988	X	X	A205
375	Nguyễn Công Hưng	01/08/1981	X	X	A205
376	Phạm Thị Hồng Hưng	13/02/1997	X	X	A205

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
377	Nguyễn Hoàng Hưng	07/05/1998	X	X	A205
378	Nguyễn Thị Xuân Hương	25/01/1991	X	X	A205
379	Lê Thị Hương	08/10/1986	X	X	A205
380	Nguyễn Thị Mai Hương	15/01/1987	X	X	A205
381	Bùi Lê Diệu Hương	03/01/1983	X		A205
382	Đỗ Thị Hương	17/08/1988	X		A205
383	Lê Thị Hường	05/01/1981	X	X	A205
384	Nguyễn Thị Hường	19/01/1991	X	X	A205
385	Đặng Thị Hường	28/03/1976	X	X	A205
386	Lê Trung Kiên	28/12/1998	X	X	A205
387	Phan Trung Kiên	25/01/1999	X	X	A205
388	Nguyễn Văn Kiên	01/04/1986	X	X	A205
389	Nguyễn Trần Tuấn Kiệt	14/01/1992	X	X	A205
390	Nguyễn Thị Kim Kiều	23/07/1989	X	X	A205
391	Nguyễn Thị Thu Kiều	24/01/1990	X	X	A205
392	Võ Thị Ngọc Kiều	05/09/1992	X	X	A205
393	Phạm Thị Thuý Kiều	02/01/1991	X	X	A205
394	Nguyễn Ngọc Hoàng Kim	26/07/1990	X	X	A205
395	Nguyễn Trọng Kim	04/03/1990	X	X	A205
396	Trần Thị Mỹ Kim	25/02/1994	X	X	A205
397	Nguyễn Minh Kính	18/06/1993	X		A205
398	Đặng Văn Kính	04/04/1988	X	X	A205
399	Bùi Thị Hồng Kông	07/07/1993	X	X	A205
400	Nguyễn Minh Kha	21/08/2000	X	X	A205
401	Nguyễn Trọng Khả	30/11/1989	X	X	A205
402	Trần Công Khải	09/09/1985	X	X	A205
403	Huỳnh Tấn Khải	19/07/2003	X	X	A205

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
404	Đặng Hoài Tú Khang	13/01/2002	X	X	A205
405	Đàm Văn Khang	11/02/1999	X	X	A205
406	Lê Nguyên Khanh	23/08/1992	X	X	A205
407	Nguyễn Hoàng Khanh	09/09/1997	X	X	A205
408	Trần Hữu Khanh	04/02/1988	X	X	A205
409	Nguyễn Thị Thục Khanh	04/05/1981	X	X	A205
410	Trần Minh Khánh	04/11/1993	X		A205
411	Trần Phương Khánh	24/08/1985	X	X	A205
412	Nguyễn Duy Khánh	10/11/1988	X	X	A205
413	Lê Minh Khánh	25/03/1993	X	X	A205
414	Đình Gia Khánh	28/08/2001	X	X	A205
415	Trần Minh Khánh	02/03/1975	X	X	A205
416	Ngô Ngọc Khánh	19/07/1992	X	X	A205
417	Nguyễn Thị Diễm Khi	10/05/1988	X	X	A205
418	Nguyễn Đức Khiêm	15/07/1991	X	X	A205
419	Nguyễn Văn Khiêm	24/03/1991	X		A205
420	Trần Thị Mỹ Khoa	01/01/1991	X	X	A205
421	Trần Anh Khoa	26/09/1991	X	X	A205
422	Ngô Anh Khoa	04/12/1984	X	X	A205
423	Khuru Khánh Khoa	04/10/1990	X	X	A205
424	Nguyễn Trần Anh Khoa	27/01/1983	X	X	A205
425	Võ Đức Khôi	01/03/1992	X		A205
426	Nguyễn Duy Khương	05/11/1982	X	X	A205
427	Phạm Hồng Khương	10/10/1995	X	X	A205
428	Huỳnh Khương	17/01/1986	X	X	A205
429	Võ Hạ Lam	09/12/1988	X	X	A206
430	Phan Thị Lan	01/05/1993	X		A206

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
431	Trần Phạm Trúc Lâm	18/08/1988	X	X	A206
432	Nguyễn Duy Lâm	12/08/1988	X	X	A206
433	Nguyễn Văn Lâm	21/11/1997	X	X	A206
434	Bùi Thị Lệ	04/09/1997	X	X	A206
435	Bùi Thị Kim Lệ	01/08/1983	X		A206
436	Trần Công Liêm	07/03/1985	X	X	A206
437	Nguyễn Thành Liêm	10/03/1987	X		A206
438	Nguyễn Xuân Liêm	04/10/1989	X	X	A206
439	Nguyễn Thị Liên	07/11/1983	X	X	A206
440	Lê Thị Phương Liên	05/09/2003	X	X	A206
441	Nguyễn Thị Bích Liên	21/09/1991	X	X	A206
442	Nguyễn Thị Liên	16/10/1988	X	X	A206
443	Trương Thị Hồng Liên	20/07/1987	X	X	A206
444	Nguyễn Thị Thu Liễu	04/10/1980	X	X	A206
445	Tạ Thị Xuân Liễu	05/05/1991	X	X	A206
446	Trần Thị Phương Linh	16/09/1989	X	X	A206
447	Nguyễn Thị Kiều Linh	19/02/1998	X	X	A206
448	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/11/1991	X	X	A206
449	Phạm Mai Linh	29/09/2000	X	X	A206
450	Võ Thị Kiều Linh	19/03/1992	X	X	A206
451	Nguyễn Thị Mỹ Linh	10/11/1990	X	X	A206
452	Lê Nguyễn Hoài Linh	12/01/1993	X	X	A206
453	Võ Thị Linh	09/02/1999	X	X	A401.1
454	Đỗ Xuân Linh	06/02/1994	X	X	A401.1
455	Ngô Thị Hoài Linh	10/08/1986	X	X	A401.1
456	Lê Thị Linh	15/11/1991	X	X	A401.1
457	Nguyễn Thị Nhật Linh	20/03/1988	X	X	A401.1

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
458	Vũ Thị Thuý Linh	16/10/1990	X	X	A401.1
459	Phạm Hoài Linh	27/10/1997	X	X	A401.1
460	Huỳnh Thị Ngọc Linh	20/11/1982	X	X	A401.1
461	Lê Phương Linh	19/11/1987	X	X	A401.1
462	Phùng Thị Thảo Linh	11/01/2005	X	X	A401.1
463	Lê Nguyễn Huyền Linh	22/08/1995	X		A401.1
464	Cao Thị Mỹ Linh	14/05/1994	X		A401.1
465	Bùi Quang Linh	20/01/1993	X	X	A401.1
466	Trần Thị Phương Loan	01/10/1983	X	X	A401.1
467	Nguyễn Thị Loan	14/05/1984	X	X	A401.1
468	Trịnh Thị Diễm Loan	29/06/1992	X	X	A401.1
469	Tôn Thị Loan	12/05/2004	X	X	A401.1
470	Nguyễn Thị Thu Loan	20/09/1990	X	X	A401.1
471	Châu Thị Hồng Loan	25/05/1988	X	X	A401.1
472	Nguyễn Thị Loan	17/06/1975	X	X	A401.1
473	Phạm Thị Mỹ Loan	12/06/1990	X	X	A401.1
474	Dương Thành Long	11/09/1985	X	X	A401.1
475	Tạ Thành Long	27/01/1993	X	X	A401.1
476	Nguyễn Phi Long	30/05/1989	X	X	A401.1
477	Ngô Hoàng Lộc	09/06/1988	X	X	A401.1
478	Lê Thành Lộc	16/04/1990	X	X	A401.1
479	Lại Thế Lộc	16/06/1998	X	X	A401.1
480	Nguyễn Hữu Lộc	20/04/1994	X	X	A401.1
481	Võ Thị Lờ	10/05/1996	X	X	A401.1
482	Trương Thị Lợi	20/02/1968	X	X	A401.1
483	Vũ Minh Luân	27/03/1993	X	X	A401.1
484	Nguyễn Duy Luân	26/05/1990	X	X	A401.1

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
485	Lý Thành Luân	05/09/2001	X	X	A401.1
486	Nguyễn Văn Luân	07/05/1988	X	X	A401.1
487	Nguyễn Tấn Luật	02/01/1993	X	X	A401.1
488	Trần Ngọc Luật	15/07/1980	X	X	A401.1
489	Lê Văn Luân	12/12/1980	X	X	A401.1
490	Hồ Hiền Lương	13/05/1980	X	X	A401.1
491	Nguyễn Đô Lương	11/08/1997	X	X	A401.1
492	Nguyễn Tấn Lương	31/12/1990	X	X	A401.1
493	Mai Xuân Lượng	21/01/1992	X		A401.1
494	Nguyễn Quang Lư	16/08/1993	X	X	A401.1
495	Phạm Thị Trúc Ly	20/11/2001	X	X	A401.1
496	Cao Thị Thảo Ly	28/05/1995	X	X	A401.1
497	Nguyễn Hoài Trúc Ly	19/10/1989	X	X	A401.1
498	Nguyễn Ánh Ly	22/10/1989	X	X	A401.1
499	Ngô Thị Mai Ly	09/10/1982	X	X	A401.1
500	Nguyễn Hồ Thảo Ly	10/08/1997	X	X	A401.1
501	Nguyễn Thị Thanh Mai	23/11/1992	X	X	A401.1
502	Nguyễn Xuân Mai	02/01/1998	X	X	A401.1
503	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26/09/1997	X	X	A401.1
504	Huỳnh Thị Tuyết Mai	29/10/2000	X	X	A401.1
505	Bùi Thị Tuyết Mai	04/02/1987	X	X	A401.1
506	Trần Hồng Mạnh	22/02/1991	X	X	A401.1
507	Nguyễn Văn Mạnh	27/12/1997	X	X	A401.1
508	Bùi Đức Mạnh	19/02/1990	X	X	A401.1
509	Đỗ Tiến Mạnh	09/01/1989	X	X	A401.1
510	Bùi Thị May	01/02/1988	X	X	A401.1
511	Nguyễn Thị Minh Mẫn	08/05/1983	X	X	A401.1

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
512	Huỳnh Văn Mẫn	16/05/1984	X	X	A401.1
513	Bùi Xuân Mến	01/05/1975	X	X	A401.1
514	Hoàng Văn Mến	25/09/1991	X	X	A401.1
515	Nguyễn Thị Mến	24/06/1993	X	X	A401.1
516	Trương Thương Mến	12/11/1996	X	X	A401.1
517	Nguyễn Thị Xuân Mi	14/04/1994	X	X	A401.1
518	Nguyễn Anh Minh	14/10/2003	X	X	A401.1
519	Nguyễn Duy Võ Ngọc Minh	02/01/1978	X	X	A401.1
520	Đặng Văn Minh	13/05/1988	X		A401.1
521	Võ Văn Minh	11/01/1986	X	X	A401.1
522	Trần Nhật Minh	27/10/1994	X	X	A401.1
523	Hồ Ngọc Minh	25/10/1981	X	X	A401.2
524	Lê Thế Minh	06/04/1989	X	X	A401.2
525	Nguyễn Quang Minh	04/10/2000	X	X	A401.2
526	Phạm Thanh Minh	22/05/1986	X	X	A401.2
527	Nguyễn Phước Minh	15/08/1984	X		A401.2
528	Lê Hoàng Minh	01/08/1993	X	X	A401.2
529	Phạm Nguyễn Nhật Minh	28/09/1990	X	X	A401.2
530	Hình Tinh Minh	16/12/1994	X	X	A401.2
531	Nguyễn Văn Mốt	20/08/1984	X		A401.2
532	Nguyễn Thị Hoàng Mơ	04/12/1989	X	X	A401.2
533	Nguyễn Thị Kiều My	23/12/1989	X	X	A401.2
534	Hoàng Thị Vàng Mỹ	10/10/1988	X	X	A401.2
535	Võ Minh Mỹ	07/11/1984	X	X	A401.2
536	Hồ Văn Mỹ	25/09/1991	X	X	A401.2
537	Phan Thị Mỹ	03/08/1968	X	X	A401.2
538	Võ Nữ Ngọc Mỹ	20/08/1994	X	X	A401.2

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
539	Lê Thị Na	10/08/1984	X	X	A401.2
540	Nguyễn Thị Ly	26/01/1989	X	X	A401.2
541	Nguyễn Thị Xuân	10/10/1995	X		A401.2
542	Huỳnh Thanh	22/10/1990	X	X	A401.2
543	Nguyễn Bá	03/02/1985	X	X	A401.2
544	Bùi Phương	11/11/1984	X	X	A401.2
545	Đặng Phương	03/11/1996	X	X	A401.2
546	Lê Nhữ Hải	25/08/1995	X	X	A401.2
547	Phạm Tiến Phương	09/12/2000	X	X	A401.2
548	Nguyễn Hoàng	16/05/1989	X		A401.2
549	Trịnh Xuân	26/10/1998	X	X	A401.2
550	Trịnh Hoàng	21/11/1996	X	X	A401.2
551	Bùi Xuân	02/09/1984	X	X	A401.2
552	Nguyễn Danh	10/15/1982	X	X	A401.2
553	Trần Hải	12/02/1982	X	X	A401.2
554	Đặng Duy	20/04/1995	X	X	A401.2
555	Nguyễn Thanh	29/03/1989	X	X	A401.2
556	Phạm Văn	18/03/1989	X	X	A401.2
557	Phan Đình Quốc	28/08/1985	X	X	A401.2
558	Phùng Thê	06/04/1991	X	X	A401.2
559	Nguyễn Vũ	03/01/1992	X	X	A401.2
560	Phạm Thị Ái	02/03/1990	X	X	A401.2
561	Nguyễn Thị Kim	01/06/1993	X	X	A401.2
562	Nguyễn Thị	11/11/1991	X	X	A401.2
563	Nguyễn Thị Kim	20/02/1986	X	X	A401.2
564	Tăng Thị Nguyệt	07/02/1985	X	X	A401.2
565	Trần Huỳnh	20/09/1997	X	X	A401.2

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
566	Nguyễn Thị Nga	02/09/1993	X	X	A401.2
567	Võ Thị Kim	13/07/1989	X	X	A401.2
568	Nghiêm Hồng	31/03/2001	X	X	A401.2
569	Trần Triệu	17/08/1995	X	X	A401.2
570	Lê Thị Hải	17/06/1980	X	X	A401.2
571	Bùi Thị Kim	03/11/1988	X	X	A401.2
572	Phạm Thị Kim	24/01/2001	X	X	A401.2
573	Nguyễn Thuý	15/08/1985	X	X	A401.2
574	Trịnh Mai	18/02/1997	X	X	A401.2
575	Thái Thị Kim	20/12/1990	X	X	A401.2
576	Nguyễn Thị Minh	18/08/1989	X	X	A401.2
577	Dương Thị Tuyết	16/03/1993	X	X	A401.2
578	Võ Thị Kim	20/03/1998	X	X	A401.2
579	Phan Thị Kim	15/06/2000	X	X	A401.2
580	Trần Bảo	23/10/1994	X	X	A401.2
581	Võ Mai Đông	01/08/1980	X	X	A401.2
582	Đỗ Trọng	30/08/1994	X	X	A401.2
583	Dương Bá	20/06/1990	X	X	A401.2
584	Trần Trung	26/04/1990	X		A401.2
585	Hứa Trọng	03/07/1994	X	X	A401.2
586	Hoàng Thị	26/06/1994	X	X	A401.2
587	Nguyễn Minh	19/05/1995	X		A401.2
588	Phan Mỹ	29/12/1988	X	X	A401.2
589	Nguyễn Vũ Bảo	18/04/2006	X	X	A401.2
590	Trần Thị Như	02/10/1995	X	X	A401.2
591	Phù Thê	31/01/1981	X	X	A401.2
592	Phan Thị Mỹ	29/01/1981	X	X	A401.2

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
593	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/04/1985	X	X	A401.3
594	Nguyễn Đình Ngọc	27/11/1990	X	X	A401.3
595	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/02/1978	X	X	A401.3
596	Lê Thị Bích Ngọc	29/07/2000	X	X	A401.3
597	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	20/03/1995	X	X	A401.3
598	Lê Xuân Nguyên	24/03/1993	X	X	A401.3
599	Nguyễn Xuân Nguyên	22/04/1997	X	X	A401.3
600	Võ Thái Nguyên	21/02/1994	X	X	A401.3
601	Vũ Đình Nguyên	08/10/1991	X	X	A401.3
602	Trần Nguyễn Hoài Nguyên	22/08/1992	X	X	A401.3
603	Nguyễn Cẩm Nguyên	10/04/1983	X	X	A401.3
604	Lê Trọng Nguyên	03/01/1987	X	X	A401.3
605	Phạm Trần Như Thảo Nguyên	10/06/1980	X	X	A401.3
606	Lương Lê Vĩnh Nguyên	17/05/1989	X	X	A401.3
607	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	22/03/1992	X	X	A401.3
608	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	20/12/1986	X	X	A401.3
609	Lê Thị Nguyệt	15/11/1980	X	X	A401.3
610	Đào Ánh Nguyệt	10/04/1992	X	X	A401.3
611	Nguyễn Thị Ái Ngữ	13/04/1994	X	X	A401.3
612	Trần Quang Nha	19/09/1991	X	X	A401.3
613	Ngân Hoàng Nhã	25/05/1990	X	X	A401.3
614	Trần Thị Bích Nhân	10/10/1986	X	X	A401.3
615	Phan Thị Thanh Nhân	07/01/1997	X	X	A401.3
616	Trần Thiện Nhân	24/01/1989	X		A401.3
617	Võ Hữu Nhân	03/09/1988	X		A401.3
618	Nguyễn Thành Nhân	10/12/1990	X		A401.3
619	Nguyễn Trọng Nhân	09/06/1997	X	X	A401.3

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
620	Phạm Phú Nhân	17/12/1985	X	X	A401.3
621	Võ Văn Nhân	16/07/1981	X	X	A401.3
622	Phan Thanh Nhân	25/02/1987	X		A401.3
623	Đoàn Ngọc Nhất	13/01/1989	X	X	A401.3
624	Hồ Minh Nhật	01/09/1982	X	X	A401.3
625	Đặng Quang Nhật	09/05/1996	X	X	A401.3
626	Phan Hoàng Nhật	06/06/1995	X	X	A401.3
627	Huỳnh Thảo Nhi	26/03/1995	X	X	A401.3
628	Đỗ Nữ Hoài Nhi	17/04/1990	X	X	A401.3
629	Nguyễn Thị Tố Nhi	22/07/1985	X	X	A401.3
630	Đặng Nữ Trúc Nhi	16/03/1996	X	X	A401.3
631	Nguyễn Thị Yên Nhi	30/12/1992	X	X	A401.3
632	Hồ Thị Yên Nhi	25/10/1995	X	X	A401.3
633	Phạm Hoàng Yên Nhi	08/04/1992	X	X	A401.3
634	Hoàng Thị Tuyết Nhi	14/10/2003	X	X	A401.3
635	Phạm Thị Nhó	16/11/1998	X	X	A401.3
636	Trần Đình Nhu	22/12/1988	X	X	A401.3
637	Phạm Thị Tuyết Nhung	22/02/1990	X	X	A401.3
638	Lê Thị Nhung	16/06/1983	X	X	A401.3
639	Lê Thị Cẩm Nhung	16/11/1985	X	X	A401.3
640	Trương Thị Hồng Nhung	20/10/1992	X	X	A401.3
641	Hứa Thị Hoài Nhung	11/10/1994	X	X	A401.3
642	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	29/09/1990	X	X	A401.3
643	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	29/06/1988	X	X	A401.3
644	Mai Thị Nhung	27/09/1994	X	X	A401.3
645	Nguyễn Đào Cẩm Nhung	12/08/2002	X	X	A401.3
646	Phạm Thị Nhung	02/08/1987	X	X	A401.3

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
647	Đoàn Thị Hồng Nhung	17/01/2000	X	X	A401.3
648	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	15/09/1998	X	X	A401.3
649	Nguyễn Văn Như	17/11/1981	X	X	A401.3
650	Nguyễn Thị Huyền Như	07/03/1989	X	X	A401.3
651	Nguyễn Thị Huỳnh Như	13/10/1994	X	X	A401.3
652	Lê Văn Nhung	05/08/1974	X	X	A401.3
653	Phạm Thị Nhung	07/08/1981	X	X	A401.3
654	Nguyễn Thị Nhứt	02/12/1995	X	X	A401.3
655	Cao Lê Thị Hoàng Oanh	24/03/1990	X	X	A401.3
656	Lê Thị Hoàng Oanh	09/05/1985	X	X	A401.3
657	Đặng Thị Kim Oanh	20/08/1982	X	X	A401.3
658	Phạm Ngọc Oanh	01/11/1991	X	X	A401.3
659	Nguyễn Thị Thảo Oanh	19/12/1999	X	X	A401.3
660	Lê Thị Hoàng Oanh	19/02/1983	X	X	A401.3
661	Dương Thị Thu Oanh	09/10/1994	X	X	A401.3
662	Lê Thị Hồng Oanh	11/01/1986	X	X	A401.3
663	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/11/1993	X	X	A403
664	Nguyễn Anh Pháp	26/03/1991	X	X	A403
665	Võ Mạnh Phát	26/02/1992	X	X	A403
666	Nguyễn Phi	05/04/1984	X	X	A403
667	Nguyễn Tuấn Phi	26/10/1982	X		A403
668	Đào Thanh Phong	27/11/1993	X	X	A403
669	Hoàng Nhật Phong	31/01/1999	X	X	A403
670	Nguyễn Tiến Phong	10/06/1976	X	X	A403
671	Hồ Tấn Phong	09/08/1996	X	X	A403
672	Ngô Thành Phong	02/03/1996	X	X	A403
673	Nguyễn Văn Phú	24/02/1988	X	X	A403

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
674	Bùi Nghĩa Phú	01/10/1989	X	X	A403
675	Võ Minh Phú	30/01/1997	X	X	A403
676	Nguyễn Thanh Phú	12/10/1988	X	X	A403
677	Nguyễn Ngọc Trường Phú	06/08/1988	X	X	A403
678	Lê Trung Phú	01/09/1989	X	X	A403
679	Thái Thành Phú	16/08/1991	X	X	A403
680	Phạm Minh Phú	26/06/1988	X	X	A403
681	Nguyễn Thị Phúc	21/02/1983	X	X	A403
682	Trảo Hồng Phúc	28/06/1988	X	X	A403
683	Võ Trần Thị Phúc	01/10/1999	X	X	A403
684	Nguyễn Thị Phúc	18/12/1986	X	X	A403
685	Võ Thị Thanh Phúc	06/07/1992	X	X	A403
686	Đặng Dương Phúc	19/10/1998	X	X	A403
687	Nguyễn Duy Phúc	25/10/1992	X	X	B001
688	Lê Nguyễn Tiến Phúc	24/02/2000	X	X	B001
689	Hồ Đắc Phúc	12/11/1982	X	X	B001
690	Nguyễn An Phúc	12/02/1990	X	X	B001
691	Trần Anh Phụng	22/10/1993	X	X	B001
692	Lê Thị Kim Phước	23/12/1985	X	X	B001
693	Trần Hữu Phước	10/09/1991	X	X	B001
694	Ngô Hữu Phước	23/11/1994	X	X	B001
695	Trần Thị Mỹ Phước	04/10/1993	X	X	B001
696	Vũ Nhật Phước	16/12/1994	X	X	B001
697	Nguyễn Hữu Phước	07/12/1992	X	X	B001
698	Nguyễn Văn Phước	02/06/1988	X	X	B001
699	Nguyễn Duy Phước	22/02/1993	X	X	B001
700	Nguyễn Thị Mai Phương	13/07/2001	X	X	B001

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
701	Phạm Hồng Phương	05/03/1968	X		B001
702	Nguyễn Chí Phương	03/11/1986	X	X	B001
703	Trần Hoàng Nhật Phương	05/10/1998	X	X	B001
704	Phan Thị Lam Phương	10/04/1995	X	X	B001
705	Võ Tấn Phương	13/09/1981	X		B001
706	Phan Thị Phương	15/10/1991	X		B001
707	Trần Thị Khánh Phương	19/07/1979	X	X	B001
708	Nguyễn Cao Thanh Phương	01/01/1992	X	X	B001
709	Phạm Việt Phương	18/11/1994	X	X	B001
710	Dương Thị Bích Phương	10/01/1986	X	X	B001
711	Nguyễn Hoàng Mỹ Phương	14/08/2003	X	X	B001
712	Cao Thủy Phương	27/01/1983	X	X	B001
713	Hồ Thục Châu Phương	02/04/1984	X	X	B001
714	Nguyễn Thị Phương	14/02/1989	X	X	B001
715	Trần Thị Mai Phương	13/02/1986	X	X	B001
716	Nguyễn Hữu Phương	15/06/1988	X	X	B001
717	Lê Thị Bích Phương	15/11/1988	X	X	B001
718	Đàng Thị Kim Phương	12/04/1986	X	X	B001
719	Trần Thị Thanh Phương	19/06/1990	X	X	B001
720	Nguyễn Thị Bích Phương	20/05/1992	X	X	B001
721	Nhữ Thị Ngọc Phương	23/06/1997	X	X	B001
722	Trần Thị Kim Phương	27/12/1991	X	X	B001
723	Trần Văn Quang	29/09/1966	X	X	B001
724	Nguyễn Trường Quang	12/07/1991	X	X	B001
725	Nguyễn Duy Quang	15/12/1979	X	X	B001
726	Trịnh Văn Quang	23/07/1991	X	X	B001
727	Trần Hồng Quang	25/04/1996	X	X	B001

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
728	Đặng Triệu Quang	10/02/1994	X	X	B001
729	Nguyễn Thành Quang	05/06/1984	X	X	B001
730	Nguyễn Tiềm Quang	25/09/1983	X	X	B001
731	Lê Quang	30/12/1988	X	X	B001
732	Trịnh Minh Quang	20/01/1995	X	X	B001
733	Phan Lê Minh Quân	07/04/1993	X	X	B001
734	Tôn Thất Qué	24/01/1988	X	X	B001
735	Trần Thị Kim Qui	01/10/1991	X	X	B001
736	Trần Cao Quốc	02/08/1993	X	X	B001
737	Nguyễn Hạnh Quốc	03/08/1990	X	X	B001
738	Nguyễn Minh Quốc	23/10/2006	X	X	B001
739	Nguyễn Trọng Quý	01/12/2003	X	X	B001
740	Hoàng Ngọc Bảo Quý	19/10/1990	X	X	B001
741	Nguyễn Thị Ngọc Quý	15/01/1979	X	X	B001
742	Huỳnh Anh Quý	26/11/1991	X	X	B001
743	Trần Quý	17/07/1983	X	X	B001
744	Nguyễn Thị Lệ Quyên	03/02/1982	X	X	B001
745	Nguyễn Thị Quyên	09/04/1990	X	X	B001
746	Nguyễn Ngọc Tuyết Quyên	15/11/1998	X	X	B001
747	Lê Thị Kim Quyên	05/11/1993	X	X	B002
748	Phạm Thị Thu Quyên	02/03/1987	X	X	B002
749	Huỳnh Thị Thanh Quyên	23/01/1994	X	X	B002
750	Lê Văn Quyên	11/08/1984	X	X	B002
751	Phạm Hồ Thảo Quyên	27/07/2004	X	X	B002
752	Nguyễn Diễm Quỳnh	22/10/1992	X	X	B002
753	Phùng Thị Như Quỳnh	23/02/1995	X	X	B002
754	Phạm Thị Như Quỳnh	03/04/1993	X	X	B002

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
755	Trần Dương Ngọc Quỳnh	08/10/2001	X	X	B002
756	Phạm Nhật Quỳnh	09/12/1999	X	X	B002
757	Ngô Thị Như Quỳnh	18/10/1996	X	X	B002
758	Huỳnh Ngọc A Rôn	03/01/1992	X	X	B002
759	Bùi Trần Ka Ry	17/09/1989	X	X	B002
760	Phạm Thị Hồng Sa	10/08/1990	X	X	B002
761	Nguyễn Văn San	03/09/1995	X	X	B002
762	Nguyễn Văn Sang	16/11/1993	X	X	B002
763	Võ Thị Linh Sang	20/04/1991	X	X	B002
764	Trần Văn Sang	13/04/1996	X	X	B002
765	Trần Phước Sang	02/09/2000	X	X	B002
766	Phạm Ngọc Sang	16/10/1993	X	X	B002
767	Nguyễn Thanh Sang	13/07/1988	X	X	B002
768	Phạm Thị Cẩm Sang	18/06/1991	X	X	B002
769	Đào Văn Sáng	13/01/1988	X	X	B002
770	Phạm Thị Hoàng Sáng	22/09/1995	X	X	B002
771	Huỳnh Ngọc Sau	20/12/1993	X	X	B002
772	Nguyễn Thị Hồng Sáu	22/06/1982	X	X	B002
773	Huỳnh Trần Ngọc Sâm	20/04/1998	X	X	B002
774	Trần Thị Sen	10/06/1989	X	X	B002
775	Bùi Long Siêng	08/12/1983	X	X	B002
776	Đỗ Mai Silvia	11/08/1987	X	X	B002
777	Cao Văn Sinh	25/12/1986	X	X	B002
778	Lê Thị Mỹ Sơn	10/06/1993	X	X	B002
779	Nguyễn Song	26/03/1992	X	X	B002
780	Lê Văn Sơn	10/06/1990	X	X	B002
781	Đào Mạnh Sơn	04/09/1987	X	X	B002

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
782	Trịnh Văn Sơn	12/08/1991	X	X	B002
783	Nguyễn Thành Sơn	02/10/1993	X	X	B002
784	Phan Văn Sơn	27/03/1984	X	X	B002
785	Bùi Văn Sơn	12/05/1980	X	X	B002
786	Lê Ngọc Sơn	20/04/2001	X	X	B002
787	Nguyễn Đại Sơn	25/12/2000	X	X	B002
788	Nguyễn Võ Phước Sơn	21/08/1995	X	X	B002
789	Nguyễn Trường Sơn	04/08/1980	X	X	B002
790	Cao Văn Sự	19/12/1990	X	X	B002
791	Lê Thị Thu Sương	02/03/1995	X	X	B002
792	Nguyễn Thị Thu Sương	10/01/1994	X	X	B002
793	Nguyễn Thị Thu Sương	23/12/1973	X	X	B002
794	Nguyễn Thị Thu Sương	29/01/1991	X	X	B002
795	Lê Thị Diễm Sương	23/04/1997	X	X	B002
796	Phạm Đăng Sửu	31/10/1971	X	X	B002
797	Trần Văn Sỹ	20/09/1990	X	X	B101
798	Nguyễn Văn Tấn Tài	01/06/1990	X		B101
799	Quảng Hữu Tài	11/02/1994	X	X	B101
800	Lê Duy Tài	11/01/1992	X		B101
801	Trần Tài	24/10/1994	X	X	B101
802	Vương Thị Tám	14/06/1983	X	X	B101
803	Nguyễn Đức Tăng	22/10/1992	X		B101
804	Nguyễn Thụy Thu Tâm	09/12/1999	X	X	B101
805	Phan Thành Tâm	04/11/1991	X	X	B101
806	Nguyễn Văn Tâm	12/02/1988	X	X	B101
807	Lê Thành Tâm	25/07/1991	X	X	B101
808	Vũ Thị Tâm	02/11/1986	X	X	B101

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
809	Huỳnh Hải Thanh Tâm	27/04/1991	X	X	B101
810	Nguyễn Phạm Mạnh Tâm	16/06/1980	X	X	B101
811	Lê Thị Thanh Tâm	26/06/1995	X	X	B101
812	Hồ Thị Thanh Tâm	13/12/1983	X	X	B101
813	Mạnh Thị Minh Tâm	03/05/1972	X	X	B101
814	Cao Trí Tâm	31/10/1996	X	X	B101
815	Lê Ngọc Băng Tâm	27/04/1994	X	X	B101
816	Tống Thị Linh Tâm	03/12/1995	X	X	B101
817	Hoàng Ngọc Tâm	06/09/1997	X	X	B101
818	Kiều Trọng Tâm	29/07/1991	X	X	B101
819	Nguyễn Ngọc Tân	17/07/1995	X	X	B101
820	Nguyễn Phương Tân	18/08/1984	X		B101
821	Nguyễn Hữu Tân	01/08/1994	X	X	B101
822	Lê Anh Tân	02/02/1990	X	X	B101
823	Phan Ngọc Tấn	10/06/2002	X	X	B101
824	Phạm Thành Tấn	28/08/1991	X	X	B101
825	Nguyễn Minh Tấn	02/06/1993	X	X	B101
826	Lê Thị Hà Tiên	16/03/2001	X	X	B101
827	Trần Kiều Tiên	02/07/1989	X	X	B101
828	Mai Đặng Kiều Tiên	09/10/1987	X		B101
829	Lê Thị Thùy Tiên	28/04/1991	X	X	B101
830	Võ Kim Tiên	16/06/1998	X	X	B101
831	Mai Thị Mộng Tiên	09/06/1981	X	X	B101
832	Nguyễn Tấn Tiên	01/05/1991	X		B101
833	Vũ Quang Tiên	13/09/1990	X	X	B101
834	Phạm Ngọc Tiên	30/01/1994	X	X	B101
835	Phan Hiếu Tiên	25/12/1993	X	X	B101

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
836	Lưu Đức Tiến	28/10/1990	X		B101
837	Huỳnh Quốc Tiến	27/08/1988	X	X	B101
838	Võ Văn Tiến	20/10/1992	X	X	B101
839	Võ Nhật Tiến	22/10/1992	X	X	B101
840	Nguyễn Thanh Tiến	28/11/1979	X	X	B101
841	Nguyễn Tiến Tiếp	05/07/1990	X	X	B101
842	Trần Ngọc Tiết	09/04/1988	X	X	B101
843	Trần Hữu Tín	03/03/1993	X		B101
844	Phạm Duy Tín	21/11/1992	X	X	B101
845	Trần Thị Lệ Tinh	20/10/1980	X	X	B101
846	Đinh Thị Tĩnh	19/07/1985	X	X	B101
847	Nguyễn Văn Tính	20/03/1993	X	X	B102
848	Phạm Thượng Toàn	14/02/1992	X	X	B102
849	Trần Quang Toàn	15/01/1985	X	X	B102
850	Nguyễn Thiện Toàn	07/07/1993	X	X	B102
851	Hoàng Văn Toàn	20/04/1986	X	X	B102
852	Văn Tiên Toàn	15/02/1980	X	X	B102
853	Nguyễn Văn Toàn	17/10/1988	X	X	B102
854	Nguyễn Đức Toàn	10/08/1999	X	X	B102
855	Phan Quang Tú	05/08/1996	X	X	B102
856	Ngô Xuân Cẩm Tú	28/08/1997	X	X	B102
857	Nguyễn Văn Tú	13/08/1994	X	X	B102
858	Phan Hải Tú	25/05/1984	X	X	B102
859	Nguyễn Thế Tú	08/04/1998	X	X	B102
860	Lê Thủy Tú	21/12/1988	X	X	B102
861	Đỗ Anh Tú	02/04/1991	X	X	B102
862	Bùi Ngọc Tụ	06/06/1984	X		B102

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
863	Lữ Thanh Tuấn	28/12/1979	X	X	B102
864	Bùi Văn Tuấn	27/09/1990	X	X	B102
865	Ngô Anh Tuấn	16/10/1982	X	X	B102
866	Trần Anh Tuấn	10/07/1985	X	X	B102
867	Nguyễn Minh Tuấn	15/05/1988	X	X	B102
868	Võ Anh Tuấn	15/10/1991	X	X	B102
869	Nguyễn Minh Tuấn	22/11/2002	X	X	B102
870	Bùi Đức Tuấn	19/04/1999	X	X	B102
871	Nguyễn Anh Tuấn	09/09/1992	X	X	B102
872	Trần Anh Tuấn	30/07/1992	X	X	B102
873	Trần Quốc Tuấn	25/10/1992	X	X	B102
874	Phan Thanh Tuấn	07/07/1990	X		B102
875	Nguyễn Thị Thanh Tùng	11/05/1992	X	X	B102
876	Ngô Duy Tùng	27/10/2001	X	X	B102
877	Nguyễn Xuân Tùng	01/01/1994	X	X	B102
878	Nguyễn Thanh Tùng	13/12/1984	X	X	B102
879	Hồ Xuân Tùng	27/02/1998	X	X	B102
880	Đào Thị Cẩm Tuyên	08/11/1994	X	X	B102
881	Đinh Thị Tuyên	20/07/1982	X	X	B102
882	Bùi Thị Quốc Tuyên	13/09/1989	X	X	B102
883	Hồ Lê Phương Tuyên	16/07/2003	X	X	B102
884	Phạm Thị Tuyên	10/10/1992	X	X	B102
885	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	03/01/2001	X	X	B102
886	Lương Thị Trung Tuyên	21/08/1993	X	X	B102
887	Huỳnh Ngọc Vân Tuyên	24/10/2000	X	X	B102
888	Lê Thị Mai Ngọc Tuyên	02/10/1990	X	X	B102
889	Phan Bích Tuyên	04/06/2003	X	X	B102

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
890	Nguyễn Thị Kim Tuyền	04/04/1985	X	X	B102
891	Trần Văn Tuyền	20/08/1983	X	X	B102
892	Mai Ánh Tuyết	25/03/1991	X	X	B102
893	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	20/03/1992	X	X	B102
894	Nguyễn Thị Tuyết	28/06/1991	X	X	B102
895	Tô Thị Tuyết	05/08/1990	X	X	B102
896	Nguyễn Ánh Tuyết	08/08/1987	X	X	B102
897	Trần Quang Tước	28/12/1981	X		B102
898	Bùi Thị Tươi	11/02/1983	X	X	B102
899	Vũ Thị Tươi	10/12/1984	X	X	B102
900	An Thị Tươi	23/06/1990	X	X	B102
901	Hồ Thanh Trùng	29/08/1995	X	X	B102
902	Ngô Tân Trùng	02/09/1999	X	X	B102
903	Nguyễn Duy Trùng	20/05/1985	X	X	B102
904	Trần Văn Thạch	08/08/1997	X	X	B102
905	Nguyễn Hồng Thái	10/10/1979	X	X	B102
906	Lê Trương Vương Quốc Thái	24/05/1991	X	X	B102
907	Võ Quốc Thái	25/01/1987	X	X	B103
908	Lê Quốc Thái	22/09/1994	X	X	B103
909	Nguyễn Nhật Thái	26/07/1989	X		B103
910	Lê Quang Thanh	19/05/1988	X	X	B103
911	Nguyễn Thị Thu Thanh	25/01/1994	X	X	B103
912	Nguyễn Thu Thanh	06/04/2003	X	X	B103
913	Nguyễn Chí Thanh	16/10/1973	X	X	B103
914	Phan Ngọc Thanh	20/04/1997	X	X	B103
915	Phạm Thị Hoà Thanh	04/07/1982	X	X	B103
916	Nguyễn Thị Phương Thanh	10/04/1997	X	X	B103

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
917	Đặng Thị Yến Thanh	27/11/1989	X	X	B103
918	Phan Lê Thị Kim Thanh	08/07/1994	X	X	B103
919	Nguyễn Ngọc Thanh	28/11/1993	X		B103
920	Trần Minh Thành	17/04/1990	X	X	B103
921	Trương Chí Thành	02/09/1988	X	X	B103
922	Bùi Quang Thành	12/10/1987	X	X	B103
923	Mai Tường Thành	13/09/1999	X	X	B103
924	Bùi Thiện Thành	03/11/1999	X	X	B103
925	Nguyễn Văn Thành	10/08/1996	X	X	B103
926	Nguyễn Đức Thành	20/06/1993	X	X	B103
927	Nguyễn Văn Thành	30/12/1993	X	X	B103
928	Nguyễn Duy Thao	01/03/1969	X	X	B103
929	Trần Lê Phương Thảo	16/08/1993	X	X	B103
930	Trần Thị Thu Thảo	20/03/1993	X	X	B103
931	Trần Thị Phương Thảo	18/08/1984	X	X	B103
932	Võ My Thảo	18/09/1991	X	X	B103
933	Nguyễn Thị Nguyên Thảo	05/06/1989	X	X	B103
934	Nguyễn Thị Gia Thảo	18/03/1979	X	X	B103
935	Lê Thị Phương Thảo	24/07/1983	X	X	B103
936	Bùi Thị Thanh Thảo	05/01/1986	X	X	B103
937	Nguyễn Thị Thanh Thảo	28/12/1992	X	X	B103
938	Võ Thị Thu Thảo	20/06/1993	X	X	B103
939	Nguyễn Hoàng Bích Thảo	28/12/1988	X	X	B103
940	Bùi Thanh Thảo	25/09/1996	X	X	B103
941	Nguyễn Văn Thảo	17/06/1981	X	X	B103
942	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/09/2000	X	X	B103
943	Võ Thị Phương Thảo	10/02/1982	X	X	B103

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
944	Trần Thị Mai Thảo	27/02/1978	X	X	B103
945	Nguyễn Thu Thảo	03/10/1994	X	X	B103
946	Nguyễn Thị Thảo	12/12/1994	X	X	B103
947	Trương Thị Bích Thảo	28/08/1994	X	X	B103
948	Nguyễn Thị Thu Thảo	13/07/1995	X	X	B103
949	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/05/1994	X		B103
950	Phan Thị Phương Thảo	28/07/1993	X	X	B103
951	Huỳnh Đoàn Thu Thảo	06/08/1981	X		B103
952	Lê Trọng Bảo Thám	20/02/1994	X	X	B103
953	Trần Quốc Thắng	01/03/1984	X	X	B103
954	Bùi Việt Thắng	26/08/1993	X	X	B103
955	Đỗ Quang Thắng	11/05/1984	X		B103
956	Nguyễn Phạm Minh Thắng	18/08/2003	X	X	B103
957	Lê Hoàng Thắng	24/06/1996	X	X	B103
958	Lê Huy Thắng	23/03/1995	X	X	B103
959	Trần Ngọc Thân	07/10/1991	X	X	B103
960	Trần Trọng Thê	20/02/1990	X	X	B103
961	Trần Xuân Thi	05/03/1993	X	X	B103
962	Nguyễn Thị Thi	26/09/1995	X	X	B103
963	Nguyễn Học Thi	20/09/1985	X	X	B103
964	Hồ Xuân Thiện	14/02/1995	X	X	B103
965	Lê Xuân Thiện	19/10/1994	X	X	B103
966	Hoàng Năng Thiện	10/11/1993	X	X	B103
967	Nguyễn Thanh Thiện	12/03/1992	X	X	B104
968	Nguyễn Ngọc Thiện	19/11/2004	X	X	B104
969	Trần Thị Thiện	05/02/1991	X	X	B104
970	Nguyễn Đức Hưng Thịnh	08/04/1993	X	X	B104

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
971	Lê Đức Thịnh	12/07/1995	X		B104
972	Bùi Nguyễn Đức Thịnh	08/01/2002	X	X	B104
973	Nguyễn Văn Thịnh	20/11/1983	X	X	B104
974	Trần Văn Thịnh	05/05/1994	X	X	B104
975	Lê Tấn Thịnh	01/05/1998	X	X	B104
976	Nguyễn Đức Thịnh	20/10/1976	X		B104
977	Bùi Ngọc Thịnh	15/09/1987	X	X	B104
978	Lê Thị Hồng Thọ	03/03/1983	X	X	B104
979	Đình Văn Thọ	22/12/1981	X	X	B104
980	Nguyễn Thị Thu Thọ	19/05/1990	X	X	B104
981	Nguyễn Hồng Thọ	01/08/1990	X	X	B104
982	Lê Thị Ngọc Thoa	05/12/1986	X	X	B104
983	Tô Thị Thoa	15/08/1988	X	X	B104
984	Trương Minh Thoại	15/05/1990	X		B104
985	Đặng Vân Ngọc Thông	01/04/1999	X	X	B104
986	Đoàn Minh Thông	13/10/1991	X		B104
987	Võ Anh Thông	15/10/1995	X	X	B104
988	Sử Khắc Thông	13/12/1991	X	X	B104
989	Nguyễn Thị Xuân Thơ	02/04/1992	X	X	B104
990	Nguyễn Thị Thơm	28/03/1991	X		B104
991	Nguyễn Thị Thu	17/07/1992	X	X	B104
992	Võ Minh Thu	23/08/1981	X	X	B104
993	Đoàn Thanh Thu	27/10/1984	X	X	B104
994	Trần Thị Thu	20/07/1961	X	X	B104
995	Nguyễn Minh Thu	10/03/1993	X	X	B104
996	Nguyễn Thị Hà Thu	20/02/1985	X	X	B104
997	Ngô Thị Thuận	10/03/1981	X		B104

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
998	Nguyễn Thị Bích Thuận	05/11/1981	X	X	B104
999	Nguyễn Văn Thuận	10/12/1993	X	X	B104
1000	Trần Tôn Thúc	10/10/1983	X	X	B104
1001	Phạm Ngọc Thủy	08/03/1995	X	X	B104
1002	Đỗ Phan Thị Bích Thủy	04/05/1992	X	X	B104
1003	Lê Thị Thu Thủy	25/12/1994	X	X	B104
1004	Nguyễn Thanh Thủy	10/01/1988	X	X	B104
1005	Trương Thị Cẩm Thúy	25/09/1996	X	X	B104
1006	Lê Thị Thúy	10/08/1991	X	X	B104
1007	Võ Thị Thanh Thúy	30/11/1996	X	X	B104
1008	Trần Thị Thùy	26/06/1991	X	X	B104
1009	Nguyễn Thị Bích Thùy	20/04/1985	X	X	B104
1010	Cao Thị Xuân Thùy	12/02/1985	X	X	B104
1011	Nguyễn Thị Kim Thùy	10/11/1985	X	X	B104
1012	Châu Ngọc Thùy	24/03/1994	X	X	B104
1013	Lê Thị Thùy	11/08/1977	X	X	B104
1014	Nguyễn Thị Thu Thùy	09/10/1984	X	X	B104
1015	Đào Thanh Thùy	07/09/1982	X	X	B104
1016	Ngô Thị Lệ Thùy	08/12/1983	X	X	B104
1017	Nguyễn Thị Quý Thùy	18/05/1992	X	X	B104
1018	Võ Thị Kim Thùy	27/05/1991	X	X	B104
1019	Vũ Thị Thùy	06/02/1985	X		B104
1020	Hoàng Thị Thúy	06/02/1993	X	X	B104
1021	Phạm Thị Diễm Thúy	15/03/1990	X	X	B104
1022	Võ Thị Thu Thúy	16/06/1986	X	X	B104
1023	Bùi Thị Phương Thúy	05/09/1991	X	X	B104
1024	Trần Mai Thúy	01/01/1996	X	X	B104

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1025	Lê Thị Thúy	11/06/1991	X	X	B104
1026	Trần Thị Thanh Thúy	15/06/2002	X	X	B104
1027	Huỳnh Thị Minh Thụy	13/06/1981	X	X	B105
1028	Nguyễn Duy Thuyền	05/02/1992	X		B105
1029	Nguyễn Nguyễn Kim Thư	27/10/1993	X	X	B105
1030	Từ Thị Minh Thư	28/07/2002	X	X	B105
1031	Nguyễn Thị Minh Thư	22/12/1986	X		B105
1032	Phan Chiêu Thư	03/09/1999	X	X	B105
1033	Âu Bảo Thư	23/10/1981	X		B105
1034	Phan Huỳnh Anh Thư	27/10/1994	X	X	B105
1035	Đặng Hữu Thức	17/12/1994	X		B105
1036	Nguyễn Ngọc Thương	28/02/1989	X	X	B105
1037	Trần Thị Hiền Thương	20/11/1987	X	X	B105
1038	Nguyễn Hữu Thương	20/01/1985	X	X	B105
1039	Bùi Thị Thương	03/11/1993	X	X	B105
1040	Luyện Văn Thương	25/12/1999	X	X	B105
1041	Nguyễn Thị Thanh Trà	22/05/1987	X	X	B105
1042	Nguyễn Thu Trà	05/11/1991	X	X	B105
1043	Nguyễn Thị Minh Trang	23/09/1984	X	X	B105
1044	Lê Thị Thu Trang	25/10/1994	X	X	B105
1045	Phạm Thị Trang	21/04/1989	X	X	B105
1046	Phạm Thị Kiều Trang	08/05/1998	X	X	B105
1047	Nguyễn Ngọc Yên Trang	01/11/1990	X	X	B105
1048	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/02/1992	X	X	B105
1049	Phạm Thị Thùy Trang	06/02/1997	X	X	B105
1050	Nguyễn Thiên Trang	29/03/1993	X	X	B105
1051	Đặng Thị Huyền Trang	04/08/1976	X	X	B105

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1052	Nguyễn Thị Hồng Trang	26/07/1992	X	X	B105
1053	Hoàng Thị Thùy Trang	06/06/1985	X	X	B105
1054	Lê Thị Huyền Trang	09/06/1985	X	X	B105
1055	Dương Thị Thu Trang	12/10/1988	X	X	B105
1056	Phạm Thị Quỳnh Trang	09/02/1992	X	X	B105
1057	Bùi Thị Thùy Trang	15/12/1985	X	X	B105
1058	Trần Thị Trang	21/08/1987	X	X	B105
1059	Vũ Quỳnh Trang	21/12/1989	X	X	B105
1060	Lê Nguyễn Hương Trang	03/10/1993	X	X	B105
1061	Lê Thị Phương Trang	26/07/1990	X	X	B105
1062	Đoàn Thị Phương Trang	30/06/1985	X	X	B105
1063	Lê Đoàn Mai Trâm	28/07/1985	X	X	B105
1064	Viên Thoại Trâm	01/10/1992	X		B105
1065	Nguyễn Thị Bích Trâm	02/02/1988	X	X	B105
1066	Trần Phương Trâm	05/02/1995	X	X	B105
1067	Nguyễn Thị Bích Trâm	28/03/1989	X	X	B105
1068	Nguyễn Thị Bích Trâm	18/01/1989	X	X	B105
1069	Nguyễn Thị Mỹ Trâm	06/03/1988	X	X	B105
1070	Phạm Thị Bảo Trâm	16/03/1990	X	X	B105
1071	Trần Thị Thùy Trâm	04/04/1994	X	X	B105
1072	Trần Lê Bích Trâm	01/11/1999	X	X	B105
1073	Hồ Thị Hoài Trâm	30/12/1995	X	X	B105
1074	Liễu Thanh Trâm	20/09/1979	X		B105
1075	Nguyễn Thị Huyền Trâm	30/11/1981	X		B105
1076	Huỳnh Bảo Trâm	15/10/1993	X	X	B105
1077	Nguyễn Phan Bảo Trâm	17/08/2001	X	X	B105
1078	Đặng Ngọc Trí	16/07/1985	X	X	B105

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1079	Đặng Minh Trí	16/04/1993	X	X	B105
1080	Huỳnh Minh Trí	17/07/1998	X	X	B105
1081	Phan Quốc Trí	22/09/1998	X	X	B105
1082	Lê Hữu Trí	30/12/1987	X	X	B105
1083	Trần Minh Trí	12/09/1994	X	X	B105
1084	Trần Như Trí	23/03/1991	X		B105
1085	Tôn Thị Tuyết Trinh	26/01/1997	X	X	B105
1086	Nguyễn Thị Tố Trinh	07/03/1996	X	X	B105
1087	Đỗ Tố Trinh	15/04/1992	X	X	B106
1088	Đỗ Thị Diễm Trinh	25/05/1995	X	X	B106
1089	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21/11/1990	X	X	B106
1090	Trần Thanh Thảo Trinh	12/11/1994	X	X	B106
1091	Phan Thị Ngọc Trinh	22/05/1997	X	X	B106
1092	Phạm Ngọc Triu	22/11/1983	X	X	B106
1093	Thái Huy Trọng	19/05/1991	X	X	B106
1094	Trịnh Trương Trọng	19/04/1995	X	X	B106
1095	Nguyễn Đình Trọng	18/05/1996	X	X	B106
1096	Đình Thanh Trúc	17/02/2003	X	X	B106
1097	Phạm Thị Thanh Trúc	09/10/1984	X	X	B106
1098	Phan Thị Xuân Trúc	20/11/1991	X	X	B106
1099	Võ Thị Kim Trúc	22/04/2003	X	X	B106
1100	Nguyễn Thị Như Trúc	01/03/1985	X	X	B106
1101	Đặng Thị Hồng Trúc	04/09/1987	X	X	B106
1102	Bùi Tâm Trung	02/02/1983	X	X	B106
1103	Đặng Hữu Trung	19/06/1994	X	X	B106
1104	Nguyễn Đức Trung	28/08/1991	X	X	B106
1105	Lâm Xuân Trung	09/01/1983	X	X	B106

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1106	Nguyễn Thị Trung	05/07/1991	X	X	B106
1107	Nguyễn Văn Trung	06/09/1992	X	X	B106
1108	Nguyễn Nghĩa Trung	07/09/1977	X	X	B106
1109	Trần Thiên Trung	28/06/1990	X	X	B106
1110	Vũ Trần Trung	16/10/1990	X	X	B106
1111	Hồ Hoàn Trung	22/07/1990	X	X	B106
1112	Cao Văn Trung	08/06/1990	X	X	B106
1113	Lê Long Truyền	10/10/1990	X	X	B106
1114	Nguyễn Minh Trục	09/09/1984	X	X	B106
1115	Nguyễn Ngô Hồng Trục	04/05/1994	X	X	B106
1116	Nguyễn Văn Trường	06/02/1990	X	X	B106
1117	Phạm Trường	13/09/1986	X	X	B106
1118	Định Trường	26/07/1992	X	X	B106
1119	Nguyễn Duy Trường	06/12/1990	X	X	B106
1120	Nguyễn Thị Thuý Uyên	25/01/1983	X	X	B106
1121	Lê Phương Uyên	29/01/1984	X	X	B106
1122	Võ Thị Phương Uyên	25/06/1988	X	X	B106
1123	Nguyễn Tú Uyên	28/05/1986	X	X	B106
1124	Võ Thị Thu Uyên	03/05/1999	X	X	B106
1125	Nguyễn Đào Vi Uyên	18/06/2006	X	X	B106
1126	Phạm Lê Uyên	25/05/1997	X	X	B106
1127	Đinh Văn Vàng	30/11/2001	X	X	B106
1128	Lê Minh Văn	21/06/1982	X	X	B106
1129	Lô Thị Kim Vân	19/07/1989	X	X	B106
1130	Nguyễn Thị Hồng Vân	28/10/1990	X	X	B106
1131	Lê Thị Thanh Vân	04/09/1990	X	X	B106
1132	Cao Thị Thu Vân	20/12/1983	X	X	B106

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1133	Trần Phi Hồng Vân	25/07/1997	X	X	B106
1134	Phạm Thị Bích Vân	24/08/1979	X	X	B106
1135	Phạm Thị Tường Vi	10/12/1991	X		B106
1136	Đặng Vũ Khánh Vi	23/08/1988	X	X	B106
1137	Nguyễn Tường Vi	12/02/1987	X	X	B106
1138	Nguyễn Hữu Viên	20/08/1986	X	X	B106
1139	Lê Văn Viên	19/10/1990	X	X	B106
1140	Huỳnh Quang Việt	30/03/1982	X	X	B106
1141	Nguyễn Thanh Việt	29/10/1989	X	X	B106
1142	Hồ Anh Việt	07/06/1988	X	X	B106
1143	Nguyễn Quốc Việt	23/08/1998	X	X	B106
1144	Trần Xuân Vinh	08/05/1993	X	X	B106
1145	Nguyễn Thành Vinh	18/09/1993	X	X	B106
1146	La Thế Vinh	14/04/1997	X	X	B106
1147	Phạm Văn Vinh	24/02/1988	X	X	B107
1148	Nguyễn Vũ Quang Vinh	28/06/1980	X	X	B107
1149	Nguyễn Ngọc Vinh	09/04/1977	X	X	B107
1150	Ngô Đức Vinh	05/12/1996	X		B107
1151	Huỳnh Vinh	27/06/1997	X	X	B107
1152	Trương Văn Vinh	01/05/1993	X	X	B107
1153	Trần Công Vinh	25/01/1994	X	X	B107
1154	Lê Hoài Vọng	06/07/1997	X	X	B107
1155	Nguyễn Quốc Vũ	16/06/1988	X	X	B107
1156	Bùi Văn Vũ	04/03/1993	X	X	B107
1157	Huỳnh Y Vũ	11/08/1980	X	X	B107
1158	Nguyễn Trường Huy Vũ	21/06/1994	X	X	B107
1159	Phan Tuấn Vũ	10/07/1990	X	X	B107

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1160	Nguyễn Linh Hoài Vũ	25/07/1987	X	X	B107
1161	Nguyễn Minh Vũ	08/07/1988	X	X	B107
1162	Nguyễn Huy Vũ	30/11/1991	X	X	B107
1163	Nguyễn Hoàng Vũ	05/04/1995	X	X	B107
1164	Lê Hoàn Vũ	01/11/1988	X	X	B107
1165	Nguyễn Tấn Vũ	06/10/1990	X	X	B107
1166	Lê Hoàng Vũ	05/02/1993	X	X	B107
1167	Lê Văn Vũ	01/01/1983	X	X	B107
1168	Huỳnh Lê Hoàn Vũ	15/04/1991	X		B107
1169	Huỳnh Thị Vững	18/04/1990	X	X	B107
1170	Lê Thanh Vươn	06/10/1988	X	X	B107
1171	Nguyễn Quốc Vương	08/08/1986	X	X	B107
1172	Đỗ Duy Vương	16/09/1993	X	X	B107
1173	Phạm Quốc Vương	28/10/1984	X		B107
1174	Nguyễn Phạm Quốc Vương	01/12/1993	X	X	B107
1175	Nguyễn Từ Vương	02/07/1994	X	X	B107
1176	Nguyễn Thái Vương	20/12/1991	X	X	B107
1177	Nguyễn Thị Uyên Vy	20/03/1993	X	X	B107
1178	Nguyễn Thị Tường Vy	09/03/1991	X	X	B107
1179	Võ Thị Thảo Vy	07/04/1996	X	X	B107
1180	Nguyễn Thị Huyền Vy	17/03/1993	X	X	B107
1181	Hoàng Thị Thảo Vy	01/08/2001	X	X	B107
1182	Đào Thị Hiền Vy	10/10/1991	X		B107
1183	Trương Trúc Vy	17/01/1999	X	X	B107
1184	Phan Thị Thanh Vy	27/02/1995	X	X	B107
1185	Phạm Thị Ái Vy	16/09/1984	X	X	B107
1186	Đặng Nhật Vy	01/10/1985	X	X	B107

SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Phần Kiến thức cơ sở	Phần Kiến thức chuyên môn	Phòng thi
1187	Ngô Quốc Xuân	17/01/1993	X	X	B107
1188	Hoàng Thị Xuân	13/01/1996	X	X	B107
1189	Huỳnh Xuân Xuyên	20/07/1998	X	X	B107
1190	Trịnh Thị Như Ý	19/01/1983	X	X	B107
1191	Hoàng Trần Như Ý	29/12/1986	X	X	B107
1192	Hoàng Thị Hải Yên	27/09/1987	X	X	B107
1193	Phan Nữ Hoàng Yên	23/06/1985	X	X	B107
1194	Lưu Thị Yên	29/10/1982	X	X	B107
1195	Võ Thị Hải Yên	30/04/1988	X	X	B107
1196	Trần Thị Hồng Yên	09/02/1991	X	X	B107
1197	Đặng Thị Ngọc Yên	10/10/1989	X	X	B107
1198	Hoàng Thị Yên	06/12/1986	X	X	B107
1199	Lê Thị Kim Yên	25/05/1994	X	X	B107
1200	Nguyễn Thị Yên	30/01/2000	X	X	B107